UBND PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68 /QĐ-KT,HT&ĐT

P. Nguyễn Đại Năng, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2026.

TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-UBND ngày 22/10/2026 của UBND phường Nguyễn Đại Năng về việc phân bổ, điều chỉnh kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2026;

Xét đề nghị chuyên viên phụ trách công tác kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh, bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2026

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các đồng chí có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT./.

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

Nguyễn Đình Lưu

(Mẫu số 74 - Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính)

Sở, cơ quan cấp tỉnh (Phòng, Ban, cơ quan cấp xã): Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Nguyễn Đại Năng

Chương: 831

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Nguyễn Đại Năng

Mã số: 1144762

Mã KBNN nơi giao dịch: 0081

(Kèm theo quyết định số /QĐ-KT,HT&ĐT ngày /10/2026 của Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Nguyễn Đại Năng)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	***Số thu phí, lệ phí***	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
2.1	***Chi sự nghiệp***	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2.2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
3.1	***Lệ phí***	
3.2	***Phí***	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**963.350.000**
1	**Chi quản lý hành chính (loại 340 khoản 341)**	**159.000.000**
1.1	***Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)***	***124.000.000***
	Điều chỉnh giảm biên chế	-34.000.000
	Bổ sung kinh phí chi trả biên chế thiếu	158.000.000
1.2	***Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12)***	
1.3	***Kinh phí bổ sung sau 30/9 (nguồn 15)***	**35.000.000**
	Bổ sung kinh phí chi phần mềm thu chi ngân sách	35.000.000
1.4	***Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (nguồn 18)***	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
	- Nhiệm vụ chuyển đổi số	
3	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề (Loại 070, khoản 098)***	***0***
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	0
	Chi khen thưởng ngành Giáo dục	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	**Chi bảo đảm xã hội (Loại 370, khoản 398)**	**804.350.000**
5.1	***Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)***	
5.2	***Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)***	
5.3	***Kinh phí bổ sung sau 30/9 (nguồn 15)***	***804.350.000***
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 04/2026/NQ-HĐND	758.400.000
	Kinh phí phục vụ công tác rà soát, thẩm định hộ nghèo	45.950.000
6	**Chi các hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình**	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	**Chi sự nghiệp thể dục, thể thao**	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	

P. Nguyễn Đại Năng, ngày tháng 10 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

TRƯỞNG PHÒNG

NGUYỄN ĐÌNH LƯU